



**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

**ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN**

**NIÊN ĐỘ KẾ TOÁN KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2008**

**CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP LẠNH HÙNG TRÍ**

# MỤC LỤC

	Trang
Báo cáo của Ban Giám Đốc	1 – 3
Báo cáo kiểm toán	4 – 5
Bảng cân đối kế toán	6 – 8
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	9
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	10
Thuyết minh báo cáo tài chính	11 – 25

## BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Niên độ kế toán kết thúc ngày 31/12/2008

Ban giám đốc xin đệ trình bản báo cáo này cùng Báo cáo tài chính hợp nhất của Công Ty Cổ phần Công Nghiệp Lạnh Hưng Trí sau đây gọi tắt là “Công ty” đã được kiểm toán niên độ kế toán kết thúc ngày 31/12/2008

### 1. Hội Đồng Quản Trị, Ban Giám đốc

#### Hội Đồng Quản Trị

Ông	NGUYỄN BÁ TRÍ	Chủ tịch HĐQT
Ông	ĐẶNG ANH TÂM	Thành viên HĐQT
Ông	BÙI QUỐC HƯNG	Thành viên HĐQT
Ông	NGUYỄN VĂN TÀI	Thành viên HĐQT

#### Ban Giám đốc và Kế toán trưởng

Ông	ĐẶNG ANH TÂM	Tổng Giám đốc
Bà	VÕ THỊ THANH TRÀ	Giám đốc tài chính
Ông	PHAN THANH HUÂN	Giám đốc điều hành
Ông	LÂM THÁI BẢO	Giám đốc kinh doanh
Ông	PHAN QUANG VINH	Kế toán trưởng

### 2. Các hoạt động chính của Công ty

#### Cơ sở hoạt động:

Công ty Công Nghiệp Lạnh Hưng Trí là công ty cổ phần được chuyển đổi hình thức sở hữu từ Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Kỹ thuật Hưng Trí theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh Công ty cổ phần số 4103007314, đăng ký lại lần thứ nhất ngày 16 tháng 07 năm 2007, đăng ký thay đổi lần thứ mười ngày 28 tháng 09 năm 2007 cấp bởi Sở Kế Hoạch và Đầu Tư Thành phố Hồ Chí Minh.

Trụ sở Công ty đặt tại: 51 Trần Phú, Phường 4, Quận 5, Tp. Hồ Chí Minh.

#### Các công ty con :

##### - Công ty TNHH Hoàng Tâm:

Thành lập theo Giấy Chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4102035925 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 03 tháng 01 năm 2006 và đăng ký thay đổi lần thứ 1 ngày 23 tháng 06 năm 2008.

Vốn điều lệ: 3.000.000.000 đồng

Địa chỉ : Lô số II-6 A, Đường 13, Nhóm CNII KCN Tân Bình, P.Tây Thạnh, Q.Tân Phú.

- Công ty TNHH Kho vận chuyên nghiệp ETC

Thành lập theo Giấy Chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0102036241 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 27 tháng 01 năm 2005 và đăng ký thay đổi lần thứ 4 ngày 21 tháng 01 năm 2009.

Vốn điều lệ: 6.000.000.000 đồng

Địa chỉ : Lô 39E, KCN Quang Minh, Xã Quang Minh, Huyện Mê Linh, Tp.Hà Nội

*Các công ty liên kết liên doanh:*

- Công ty TNHH Phương Nam
- Công ty CP Kho lạnh Phú Mỹ
- Công ty TNHH Kho vận chuyên nghiệp

**Ngành nghề kinh doanh:**

Mua bán máy móc thiết bị vật tư ngành điện - nước, điện tử, điện lạnh, máy văn phòng, máy vi tính, công nghệ phẩm, bách hóa, nông thủy hải sản. Đại lý ký gửi hàng hóa. Dịch vụ kỹ thuật: Thiết kế, lắp đặt, sửa chữa, bảo trì các hệ thống điện (sau điện kế), điện tử, điện lạnh, tin học, hệ thống cung cấp nước (sau thủy kế). Sản xuất gia công sản phẩm cơ khí. Dịch vụ giao nhận hàng hóa. Mua bán thức ăn gia súc, thức ăn nuôi thủy sản, nguyên vật liệu thức ăn chăn nuôi, bao bì các loại, thiết bị môi trường, hoa tươi, rau củ quả. Sản xuất bao bì giấy carton, nhựa. Dịch vụ thương mại. Thiết kế tạo mẫu trên máy vi tính (Không chế bản in), photocopy đen trắng (sao chụp).

Sản xuất, lắp ráp, lắp đặt vật tư thiết bị cơ điện lạnh. Sản xuất vật liệu cách âm, cách nhiệt cao, thiết bị môi trường. Sản xuất các thiết bị phục vụ chế biến nông- thủy sản, thiết bị sử dụng cho tàu thuyền. Dịch vụ tư vấn, lắp đặt cơ điện lạnh.

Tinh chế, đóng gói và bảo quản hàng nông sản thực phẩm trong nước và xuất khẩu. Vận tải hàng hóa đường bộ bằng xe tải, xe Container, bốc xếp hàng hóa.

**3. Tình hình tài chính và Kết quả hoạt động kinh doanh**

Tình hình tài chính tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2008, kết quả hoạt động kinh doanh, lưu chuyển tiền tệ niên độ kế toán kết thúc ngày 31/12/2008 của Công ty, được trình bày trong báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm báo cáo này, từ trang 06 đến trang 25.

**BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC**

Niên độ kế toán kết thúc ngày 31/12/2008

---

**4. Các nghiệp vụ trọng yếu, bất thường và sự kiện sau ngày kết thúc niên độ**

Theo ý kiến của Ban giám đốc, các hoạt động của Công ty niên độ kế toán kết thúc ngày 31/12/2008 được phản ánh trên báo cáo này, không có khả năng bị ảnh hưởng một cách nghiêm trọng bởi bất kỳ khoản mục, nghiệp vụ, sự kiện có bản chất trọng yếu hay bất thường nào đã phát sinh sau ngày 31/12/2008 cho đến ngày lập báo cáo này.

**5. Kiểm toán viên độc lập**

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn Phan Dũng (PDAC) được chỉ định thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty, niên độ kế toán kết thúc ngày 31/12/2008.



**6. Cam kết của Ban giám đốc**

Ban giám đốc cam kết rằng, Công ty đã tuân thủ chế độ kế toán và chuẩn mực kế toán hiện hành khi lập Báo cáo tài chính hợp nhất; các sổ sách và chứng từ kế toán được lưu giữ đầy đủ, để phản ánh tại bất kỳ thời điểm nào, với mức độ chính xác hợp lý tình hình tài chính của Công ty.

Ban giám đốc cũng chịu trách nhiệm bảo vệ an toàn tài sản của Công ty, và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Theo chúng tôi, các báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm, xét trên phương diện trọng yếu đã được soạn thảo và trình bày một cách trung thực và hợp lý về tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công Ty Cổ Phần Công Nghiệp Lạnh Hưng Trí niên độ kế toán kết thúc ngày 31/12/2008.

Ngày 31 tháng 03 năm 2009

  
  
**ĐẶNG ANH TÂM**

TP. Hồ Chí Minh, ngày 30 tháng 03 năm 2009

Số: 078/2008/PDAC-KT

**BÁO CÁO KIỂM TOÁN**  
**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT NĂM 2008**  
**CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP LẠNH HƯNG TRÍ**

**Kính gửi: - HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ - BAN GIÁM ĐỐC**  
**CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP LẠNH HƯNG TRÍ**

Chúng tôi đã kiểm toán các báo cáo tài chính hợp nhất gồm: Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31/12/2008, Báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất và Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất, cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2008, của Công Ty Cổ Phần Công Nghiệp Lạnh Hưng Trí từ trang 06 đến trang 25 kèm theo.

**Trách nhiệm của Ban Giám đốc Công ty và trách nhiệm của Kiểm toán viên**

Việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất này thuộc trách nhiệm của Ban Giám đốc Công ty.

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về các báo cáo hợp nhất này căn cứ trên kết quả kiểm toán của chúng tôi.

**Cơ sở ý kiến**

Chúng tôi đã thực hiện việc kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu công việc kiểm toán phải lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo hợp lý rằng các báo cáo tài chính hợp nhất không còn chứa đựng các sai sót trọng yếu. Chúng tôi đã thực hiện việc kiểm tra theo phương pháp chọn mẫu và áp dụng các phương pháp cần thiết, các bằng chứng xác minh những thông tin trong báo cáo tài chính hợp nhất; đánh giá việc tuân thủ các chuẩn mực và chế độ kế toán hiện hành (hoặc được chấp nhận), các nguyên tắc và phương pháp kế toán được áp dụng, các ước tính và xét đoán quan trọng của Ban Giám đốc cũng như cách trình bày tổng quát các báo cáo tài chính hợp nhất. Chúng tôi cho rằng công việc kiểm toán của chúng tôi đã đưa ra những cơ sở hợp lý để làm căn cứ cho ý kiến của chúng tôi.

Trong Báo cáo tài chính hợp nhất này, cột số đầu năm không bao gồm số liệu của Công ty TNHH Hoàng Tâm do Công ty Cổ phần Công Nghiệp Lạnh Hưng Trí nắm quyền kiểm soát với tỷ lệ vốn góp chiếm 90% vốn chủ sở hữu của Công ty TNHH Hoàng Tâm từ ngày 16/06/2008.

**Ý kiến của kiểm toán viên**

Như đã nêu tại mục V.4 Thuyết minh báo cáo tài chính, chúng tôi đã không thể tham gia quan sát kiểm kê hàng tồn kho tại ngày 31/12/2008 với số tiền 15.181.830.636 đồng. Với những tài liệu hiện có tại Công ty, chúng tôi không thể tiến hành các thủ tục kiểm toán thay thế khác để có thể kiểm tra tính đúng đắn của số lượng hàng tồn kho thực tế tại thời điểm nêu trên. Do đó, số liệu hàng tồn kho trên Bảng cân đối kế toán căn cứ vào số liệu trên sổ sách kế toán của Công ty.

Theo ý kiến chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng (nếu có) của các vấn đề nêu trên, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý trên khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Công Nghiệp Lạnh Hưng Trí tại ngày 31/12/2008, cũng như kết quả kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2008, phù hợp với chuẩn mực và chế độ kế toán Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan.

**Giám đốc**



*Phan Văn Dũng*

**PHAN VĂN DŨNG**

Chứng chỉ KTV số: 171/KTV

**Kiểm toán viên**

*Nguyễn Hữu Danh*

**NGUYỄN HỮU DANH**

Chứng chỉ KTV số: 1242/KTV



CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP LẠNH HÙNG TRÍ  
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2008

Mẫu số B 01 - DN/HN

(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC  
ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

Đơn vị tính : VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>104.506.622.936</b>	<b>91.635.062.439</b>
<i>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</i>	<b>110</b>		<b>13.375.525.487</b>	<b>2.874.230.772</b>
1. Tiền	111	V.1	13.375.525.487	2.874.230.772
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	-
<i>II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn</i>	<b>120</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
1. Đầu tư ngắn hạn	121		-	-
3. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	129		-	-
<i>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</i>	<b>130</b>	V.2	<b>35.936.240.821</b>	<b>32.481.261.226</b>
1. Phải thu khách hàng	131		28.878.565.621	13.766.048.744
2. Trả trước cho người bán	132		2.340.227.641	17.365.212.482
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Các khoản phải thu khác	135		4.782.872.054	1.350.000.000
6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139		(65.424.495)	-
<i>IV. Hàng tồn kho</i>	<b>140</b>		<b>53.477.532.955</b>	<b>53.150.437.623</b>
1. Hàng tồn kho	141	V.4	53.477.532.955	53.150.437.623
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
<i>V. Tài sản ngắn hạn khác</i>	<b>150</b>		<b>1.717.323.673</b>	<b>3.129.132.818</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.3	37.470.000	122.640.000
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		8.360.500	1.145.512.568
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154		-	-
4. Tài sản ngắn hạn khác	158	V.3	1.671.493.173	1.860.980.250
<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>27.628.257.326</b>	<b>21.302.080.869</b>
<i>I. Các khoản phải thu dài hạn</i>	<b>210</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
5. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi (*)	219		-	-
<i>II. Tài sản cố định</i>	<b>220</b>		<b>19.588.257.326</b>	<b>18.297.080.869</b>
1. TSCĐ hữu hình	221	V.5	19.059.405.754	18.174.225.112
- Nguyên giá	222		21.395.577.777	19.421.712.710
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(2.336.172.023)	(1.247.487.598)
2. TSCĐ thuê tài chính	224		-	-
- Nguyên giá	225		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	226		-	-
3. TSCĐ vô hình	227	V.5	97.919.577	122.855.757
- Nguyên giá	228		149.617.182	149.617.182
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(51.697.605)	(26.761.425)
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230		430.931.995	-

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP LẠNH HÙNG TRÍ  
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2008

Mẫu số B 01 - DN/HN

(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC  
ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

Đơn vị tính : VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>III. Bất động sản đầu tư</b>	<b>240</b>		-	-
1. Nguyên giá	241		-	-
2. Hao mòn lũy kế	242		-	-
<b>IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>	V.6	<b>8.040.000.000</b>	<b>3.005.000.000</b>
1. Đầu tư vào công ty con	251		3.420.000.000	-
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		4.500.000.000	2.885.000.000
3. Đầu tư dài hạn khác	258		120.000.000	120.000.000
4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259		-	-
<b>V. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		-	-
1. Chi phí trả trước dài hạn	261		-	-
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	-
3. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
<b>VI. Lợi thế thương mại</b>	<b>269</b>		-	-
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>132.134.880.262</b>	<b>112.937.143.308</b>
<b>NGUỒN VỐN</b>				
<b>A. NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>80.491.148.979</b>	<b>70.222.401.297</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>69.674.299.697</b>	<b>62.431.101.297</b>
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	V.7	13.092.254.060	4.839.404.971
2. Phải trả cho người bán	312	V.9	5.162.192.332	12.198.090.312
3. Người mua trả tiền trước	313	V.9	22.615.632.556	42.557.941.169
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	V.8	2.057.852.821	2.835.664.845
5. Phải trả người lao động	315		-	-
6. Chi phí phải trả	316		-	-
7. Phải trả nội bộ	317		-	-
8. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	318		-	-
9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	V.9	26.200.000.000	-
10. Dự phòng phải trả ngắn hạn	320	V.9	546.367.928	-
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>10.816.849.282</b>	<b>7.791.300.000</b>
1. Phải trả dài hạn người bán	331		-	-
2. Phải trả dài hạn nội bộ	332		-	-
3. Phải trả dài hạn khác	333		-	-
4. Vay và nợ dài hạn	334	V.10	10.732.000.000	7.791.300.000
5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335		-	-
6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		84.849.282	-
7. Dự phòng phải trả dài hạn	337		-	-

Các thuyết minh đính kèm là một bộ phận không thể tách rời của Báo cáo tài chính

Trang 7

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP LẠNH HƯNG TRÍ  
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2008

Mẫu số B 01 - DN/HN

(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC  
ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

Đơn vị tính : VND

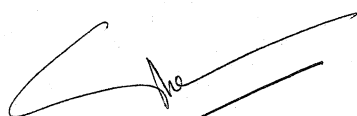
NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>B. NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>50.917.995.645</b>	<b>42.714.742.011</b>
<i>I. Vốn chủ sở hữu</i>	<b>410</b>		<b>49.362.318.163</b>	<b>42.649.488.228</b>
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411	V.11	29.000.000.000	28.000.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412	V.11	6.556.240.000	6.556.240.000
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413		-	-
4. Cổ phiếu quỹ (*)	414		-	-
5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415		-	-
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		-	-
7. Quỹ đầu tư phát triển	417		913.730.874	130.507.564
8. Quỹ dự phòng tài chính	418		456.865.438	65.253.783
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		456.865.438	65.253.783
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420	V.11	11.978.616.413	7.832.233.098
11. Nguồn vốn đầu tư XDCB	421		-	-
<i>II. Nguồn kinh phí và quỹ khác</i>	<b>430</b>		<b>1.555.677.482</b>	<b>65.253.783</b>
1. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	431		1.555.677.482	65.253.783
2. Nguồn kinh phí	432		-	-
3. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	433		-	-
<b>C. LỢI ÍCH CỔ ĐÔNG THIỂU SỐ</b>	<b>439</b>	V.12	<b>725.735.638</b>	<b>-</b>
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>132.134.880.262</b>	<b>112.937.143.308</b>
<b>CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN</b>				
1. Tài sản thuê ngoài			-	-
2. Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công			-	-
3. Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gởi			-	-
4. Nợ khó đòi đã xử lý			-	-
5. Ngoại tệ các loại (USD)			26.006,79	10,65
6. Dự toán chi sự nghiệp, dự án			-	-

TP. Hồ Chí Minh, ngày 30 tháng 03 năm 2009

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc





BÙI THỊ THANH THẢO

PHAN QUANG VINH

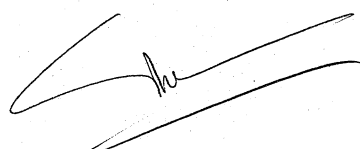
ĐIỀU ANH TÂM

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	183.664.531.476	111.702.481.446
2. Các khoản giảm trừ	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		183.664.531.476	111.702.481.446
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	148.936.990.619	92.307.222.346
5. Lợi nhuận gộp bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		34.727.540.857	19.395.259.100
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	240.557.837	86.157.470
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	2.903.481.993	207.887.696
Trong đó : Lãi vay phải trả	23		2.386.062.440	124.743.901
8. Chi phí bán hàng	24	VI.5	1.171.759.137	230.872.260
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	VI.6	15.384.708.422	7.823.035.956
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		15.508.149.142	11.219.620.658
11. Thu nhập khác	31	VI.7	315.455.882	6.265.587
12. Chi phí khác	32		104.106.935	2.748.039
13. Lợi nhuận khác	40		211.348.947	3.517.548
14. Lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết	50		-	-
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	60		15.719.498.089	11.223.138.206
16. Chi phí thuế TNDN hiện hành	61		2.479.431.508	3.390.905.108
17. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	62		-	-
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	70		13.240.066.581	7.832.233.098
18.1 Lợi ích của cổ đông thiểu số	71		715.592.101	-
18.2 Lợi nhuận sau thuế của cổ đông của công ty mẹ	72		12.524.474.480	-
19. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	80		-	-

TP.Hồ Chí Minh, ngày 30 tháng 03 năm 2009

Người lập biểu

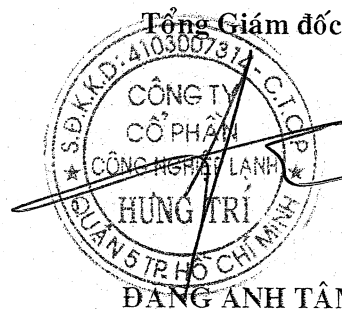
Kế toán trưởng



BÙI THỊ THANH THẢO



PHAN QUANG VINH



## BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

(Theo phương pháp gián tiếp)

Năm 2008

(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC  
ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

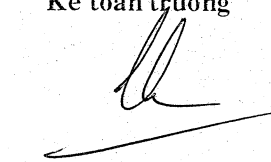
CHỈ TIÊU	Mã số	Đơn vị tính : VND	
		Năm nay	Năm trước
<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT, KINH DOANH</b>			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	15.719.498.089	7.832.233.098
2. Điều chỉnh cho các khoản:			
- Khấu hao tài sản cố định	02	1.019.012.600	308.327.630
- Các khoản dự phòng	03	65.424.495	-
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	04	456.187.910	-
- Lãi (lỗ) từ hoạt động đầu tư	05	(204.476.791)	(86.157.470)
- Chi phí lãi vay	06	2.386.062.440	124.743.901
3. Lợi nhuận kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	08	19.441.708.743	8.179.147.159
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09	40.910.316	(19.130.605.044)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10	(327.095.332)	(21.809.285.077)
Tăng, giảm các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả, thuế TNDN phải nộp)	11	(1.305.157.219)	17.195.736.945
- Tăng giảm chi phí trả trước	12	85.170.000	(60.650.000)
- Tiền lãi vay đã trả	13	(2.386.062.440)	(124.743.901)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	(4.328.603.150)	(1.156.284.055)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15	-	476.239.000
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16	(373.038.052)	(2.265.318.750)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động sản xuất kinh doanh</b>	<b>20</b>	<b>10.847.832.866</b>	<b>(18.695.763.723)</b>
<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(1.601.861.589)	(17.251.404.286)
2. Thu từ thanh lý nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22	34.000.000	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	-	-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán các công cụ nợ của đơn vị khác	24	-	-
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	(6.195.000.000)	(755.000.000)
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	1.160.000.000	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	209.683.141	86.157.470
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>	<b>(6.393.178.448)</b>	<b>(17.920.246.816)</b>
<b>III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>			
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận góp vốn của chủ sở hữu	31	1.000.000.000	24.556.240.000
2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32	-	-
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	31.329.320.097	16.630.704.971
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(20.591.958.918)	(4.000.000.000)
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35	-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(5.690.720.882)	(978.806.738)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>	<b>6.046.640.297</b>	<b>36.208.138.233</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ</b>	<b>50</b>	<b>10.501.294.715</b>	<b>(407.872.306)</b>
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	2.874.230.772	3.282.103.078
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	-	-
<b>Tiền và tương đương tiền cuối kỳ</b>	<b>70</b>	<b>13.375.525.487</b>	<b>2.874.230.772</b>

Người lập biểu



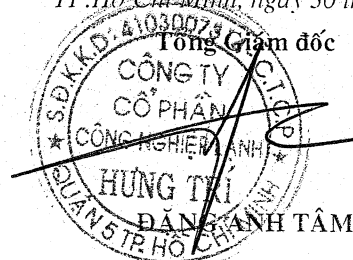
BÙI THỊ THANH THẢO

Kế toán trưởng



PHAN QUANG VINH

TP. Hồ Chí Minh, ngày 30 tháng 03 năm 2009



CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP LẠNH HƯNG TRÍ  
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm 2008

(Thể hiện bằng Đồng Việt Nam, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty cổ phần Công Nghiệp Lạnh Hưng Trí hoạt động theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh Công ty cổ phần số 4103007314, đăng ký lại lần thứ nhất ngày 16 tháng 07 năm 2007, đăng ký thay đổi lần thứ mười ngày 28 tháng 09 năm 2007 cấp bởi Sở Kế Hoạch và Đầu Tư Thành phố Hồ Chí Minh.

Địa chỉ trụ sở chính: 51 Trần Phú, Phường 4, Quận 5, Tp. Hồ Chí Minh.

2. Lĩnh vực kinh doanh

Mua bán máy móc thiết bị vật tư ngành điện - nước, điện tử, điện lạnh, máy văn phòng, máy vi tính, công nghệ phẩm, bách hóa, nông thủy hải sản. Đại lý ký gửi hàng hóa. Dịch vụ kỹ thuật: Thiết kế, lắp đặt, sửa chữa, bảo trì các hệ thống điện (sau điện kế), điện tử, điện lạnh, tin học, hệ thống cung cấp nước (sau thủy kế). Sản xuất gia công sản phẩm cơ khí. Dịch vụ giao nhận hàng hóa. Mua bán thức ăn gia súc, thức ăn nuôi thủy sản, nguyên vật liệu thức ăn chăn nuôi, bao bì các loại, thiết bị môi trường, hoa tươi, rau củ quả. Sản xuất bao bì giấy carton, nhựa. Dịch vụ thương mại. Thiết kế tạo mẫu trên máy vi tính (Không chế bản in), photocopy đen trắng (sao chụp).

3. Tổng số các công ty con 02

- Số lượng các công ty con được hợp nhất: 01

- Số lượng các công ty con không được hợp nhất 01

**Công ty con được hợp nhất trong báo cáo này:**

Tên công ty	Địa chỉ	Tỷ lệ lợi ích và quyền biểu quyết
Công ty TNHH Hoàng Tâm	Lô số II-6 A, Đường 13, Nhóm CNII KCN Tân Bình, Q.Tân Phú, TPHCM	90%

**Công ty con chưa được hợp nhất trong báo cáo này:**

Công ty TNHH Kho vận chuyên nghiệp ETC

Lý do: Đến thời điểm 27/12/2008 Công ty góp vốn thêm vào Công ty TNHH Kho vận chuyên nghiệp ETC, tỷ lệ góp vốn từ 30% tăng lên 57% vốn đầu tư chủ sở hữu. Do đó kiểm toán viên chưa nhận được Báo cáo tài chính riêng của Công ty TNHH Kho vận chuyên nghiệp ETC.

Trong đó vốn góp của các bên như sau: (Đơn vị: Triệu đồng)

	Số tiền	Tỷ lệ
- Công ty CP Công nghiệp lạnh Hưng Trí	3.420	57%
- Công ty TNHH Mai Dương	600	10%
- Ông Khương Minh Dũng	1.260	21%
- Các cổ đông khác	720	12%
<b>Tổng cộng</b>	<b>6.000</b>	<b>100%</b>

II. NIÊN ĐỘ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Niên độ kế toán

Niên độ kế toán của công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ được sử dụng trong ghi chép, kế toán là Đồng Việt Nam.

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP LẠNH HÙNG TRÍ  
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm 2008

(Thể hiện bằng Đồng Việt Nam, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

**III. CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

**1. Chế độ kế toán áp dụng**

Công ty áp dụng chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam ban hành theo quyết định số 15/2006/QĐ – BTC ngày 20/03/2006 của Bộ Tài Chính, các chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài Chính ban hành.

**2. Hình thức sổ kế toán áp dụng**

Công ty áp dụng hình thức sổ kế toán Nhật ký chung.

**IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

**1. Cơ sở lập báo cáo tài chính hợp nhất**

Báo cáo tài chính hợp nhất được trình bày theo nguyên tắc giá gốc

**2. Cơ sở hợp nhất**

**2.1 Các công ty con**

Các công ty con là đơn vị chịu sự kiểm soát của công ty mẹ. Sự kiểm soát tồn tại khi công ty mẹ có khả năng trực tiếp hay gián tiếp chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của công ty con để thu được các lợi ích kinh tế từ các hoạt động này. Khi đánh giá quyền kiểm soát có tính đến quyền biểu quyết tiềm năng hiện đang có hiệu lực hay sẽ được chuyển đổi.

Kết quả hoạt động kinh doanh của công ty con được đưa vào BCTC hợp nhất kể từ ngày mua - là ngày công ty mẹ thực sự nắm quyền kiểm soát công ty con. Kết quả hoạt động kinh doanh của công ty con bị thanh lý được đưa vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho tới ngày thanh lý.

Số liệu trên Bảng cân đối kế toán giữa các đơn vị trong cùng Tập đoàn, các giao dịch nội bộ, các khoản lãi nội bộ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch này được loại trừ khi lập Báo cáo tài chính hợp nhất. Các khoản lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ cũng được loại trừ khi chi phí tạo nên khoản lỗ đó không thể thu hồi được.

**2.2 Các công ty liên kết**

Công ty liên kết là công ty có những ảnh hưởng đáng kể nhưng không có quyền kiểm soát đối với các chính sách tài chính và hoạt động. Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm phần lãi hoặc lỗ của Công ty trong công ty liên kết theo phương pháp vốn chủ sở hữu từ ngày bắt đầu có ảnh hưởng đáng kể cho đến ngày ảnh hưởng đáng kể kết thúc. Nếu lợi ích của công ty trong khoản lỗ của công ty liên kết lớn hơn hoặc bằng giá trị ghi sổ của khoản đầu tư thì giá trị khoản đầu tư được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất là bằng không, trừ khi Công ty có các nghĩa vụ thực hiện thanh toán thay cho công ty liên kết.

Kết quả hoạt động kinh doanh, tài sản và công nợ của công ty liên kết được bao gồm trong Báo cáo tài chính hợp nhất theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Khoản đầu tư vào công ty liên kết được thể hiện trên Báo cáo tài chính hợp nhất theo chi phí đầu tư ban đầu và có điều chỉnh cho các thay đổi trong phần lợi ích trên tài sản thuần của công ty liên kết.

Chênh lệch giữa chi phí đầu tư và phần sở hữu của Công ty trong giá trị hợp lý của tài sản thuần có thể xác định được của công ty liên kết tại ngày mua được ghi nhận là lợi thế thương mại.

Các khoản lãi lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch với các công ty liên kết được loại trừ, tương ứng với phần thuộc về Công ty khi lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Trong trường hợp chính sách kế toán của công ty con, công ty liên kết, các cơ sở liên doanh đồng kiểm soát khác với chính sách kế toán áp dụng thống nhất trong Công ty thì Báo cáo tài chính của công ty con phải có những điều chỉnh thích hợp trước khi sử dụng cho việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP LẠNH HÙNG TRÍ  
**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Năm 2008

*(Thể hiện bằng Đồng Việt Nam, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)*

**3. Nguyên tắc xác định các khoản tiền và tương đương tiền**

**3.1 Nguyên tắc xác định các khoản tiền và tương đương tiền**

Các khoản tiền và tương đương tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển và các khoản đầu tư ngắn hạn (không quá 3 tháng) có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó tại thời điểm báo cáo.

**3.2 Nguyên tắc, phương pháp chuyển đổi các đồng tiền khác**

Các nghiệp vụ kinh tế phát sinh bằng ngoại tệ được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh nghiệp vụ.

Chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ và chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ tại thời điểm cuối năm được kết chuyển vào doanh thu hoặc chi phí tài chính trong năm tài chính.

**4. Các chính sách kế toán đối với hàng tồn kho**

**4.1 Nguyên tắc đánh giá hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

**4.2 Phương pháp xác định giá trị hàng tồn kho cuối kỳ**

Giá trị hàng tồn kho cuối kỳ được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

**4.3 Phương pháp hạch toán hàng tồn kho**

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

**4.4 Lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho**

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối năm là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được của chúng.

**5. Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải thu thương mại và phải thu khác**

Các khoản phải thu khách hàng, khoản trả trước cho người bán, phải thu nội bộ, phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng (nếu có), và các khoản phải thu khác tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Có thời hạn thu hồi hoặc thanh toán dưới 1 năm (hoặc trong một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là Tài sản ngắn hạn.

- Có thời hạn thu hồi hoặc thanh toán trên 1 năm (hoặc trên một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là Tài sản dài hạn.

**6. Ghi nhận và khấu hao tài sản cố định**

**6.1 Nguyên tắc ghi nhận giá trị TSCĐ**

Giá trị ban đầu của tài sản cố định được ghi nhận theo nguyên giá, sau khi ghi nhận ban đầu, trong quá trình sử dụng, TSCĐ được ghi nhận theo nguyên giá, khấu hao lũy kế và giá trị còn lại.

Nguyên giá tài sản cố định bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

**6.2 Phương pháp khấu hao TSCĐ**

Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng. Thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	30 Năm
- Thiết bị, dụng cụ quản lý:	08 Năm
- Phương tiện vận tải, truyền dẫn:	06 - 08 Năm
- Bản quyền phần mềm:	06 Năm



CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP LẠNH HÙNG TRÍ  
**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Năm 2008

(Thể hiện bằng Đồng Việt Nam, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

**7. Nguyên tắc ghi nhận các khoản chi phí khác**

**7.1 Phương pháp phân bổ chi phí trả trước**

Các loại chi phí trả trước nếu chỉ liên quan đến năm tài chính hiện hành thì được ghi nhận vào chi phí sản xuất kinh doanh trong năm tài chính.

**7.2 Ghi nhận các khoản phải trả thương mại và phải trả khác**

Các khoản phải trả người bán, phải trả nội bộ, phải trả khác, khoản vay tại thời điểm báo cáo, nếu :

- Có thời hạn thanh toán dưới 1 năm hoặc trong một chu kỳ sản xuất kinh doanh được phân loại là nợ ngắn hạn.

- Có thời hạn thanh toán trên 1 năm hoặc trên một chu kỳ sản xuất kinh doanh được phân loại là nợ dài hạn.

- Tài sản thiếu chờ xử lý được phân loại là nợ ngắn hạn.

- Thuế thu nhập hoãn lại được phân loại là nợ dài hạn.

**7.3 Ghi nhận chi phí trả trước**

Các chi phí trả trước chỉ liên quan đến chi phí sản xuất kinh doanh năm tài chính hiện tại được ghi nhận là chi phí trả trước ngắn hạn.

Các chi phí sau đây đã phát sinh trong năm tài chính nhưng được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh:

- Chi phí thành lập;

- Chi phí trước hoạt động, Chi phí chuẩn bị sản xuất (bao gồm các chi phí đào tạo);

- Chi phí chuyển địa điểm, chi phí tổ chức lại doanh nghiệp;

- Chi phí chạy thử có tải, sản xuất thử phát sinh lớn;

- Công cụ dụng cụ xuất dùng có giá trị lớn;

- Chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định phát sinh một lần quá lớn.

**8. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu**

**8.1 Doanh thu bán hàng được ghi nhận đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau**

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;

- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;

- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;

- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

**8.2 Doanh thu hoạt động tài chính**

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP LẠNH HÙNG TRÍ  
**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Năm 2008

(Thể hiện bằng Đồng Việt Nam, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

**9. Thuế thu nhập doanh nghiệp**

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 28% trên thu nhập chịu thuế.

Các khoản mục thuế thể hiện trên báo cáo kết quả kinh doanh là tổng số thuế dự kiến phải nộp cho niên độ báo cáo. Theo quy định hiện hành, các khoản thuế sẽ do cơ quan thuế quyết toán. Số liệu phản ánh trong báo cáo này chỉ là các số ước tính kế toán.

**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN VÀ BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH:**

**1. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	<b>Cuối năm</b>	<b>Đầu năm</b>
- Tiền mặt	229.401.595	1.550.727.658
- Tiền gửi ngân hàng	13.146.123.893	1.323.503.115
+ Tiền gửi VND	13.087.121.147 (a)	1.320.964.740
+ Tiền gửi ngoại tệ	59.002.746 (b)	2.538.375
<b>Cộng</b>	<b>13.375.525.488</b>	<b>2.874.230.773</b>

(a) Số dư Tiền gửi VND :

	<b>Cuối năm</b>	<b>Đầu năm</b>
- Ngân hàng NNPTNT - Sở GD II	2.000.000	5.158.128
- Ngân hàng TMCP Á Châu	7.380.064.980	1.217.268.360
- Ngân hàng Sài Gòn - Thương Tín	19.335.298	797.902
- Ngân hàng Ngoại Thương Tp. HCM	2.863.184.093	80.792.171
- Ngân hàng Đầu tư và Phát triển VN	2.804.521.613	16.948.179
- Ngân hàng HSBC	18.015.163	-
<b>Cộng</b>	<b>13.087.121.147</b>	<b>1.320.964.740</b>

(b) Số dư Tiền gửi ngoại tệ :

<b>Tên Ngân hàng</b>	<b>Ngoại tệ (USD)</b>	<b>Tương ứng (VND)</b>
- Ngân Hàng HSBC	822,22	13.961.296
- Ngân hàng TMCP Á Châu	25.093,00	41.899.936
- Ngân hàng Sài Gòn - Thương Tín	191,57	3.141.514
<b>Cộng</b>	<b>26.106,79</b>	<b>59.002.746</b>

**2. Các khoản phải thu ngắn hạn**

	<b>Cuối năm</b>	<b>Đầu năm</b>
- Phải thu khách hàng	28.878.565.621 (c)	13.766.048.744
- Trả trước cho người bán	2.340.227.641 (d)	17.365.212.482
- Các khoản phải thu khác	4.782.872.054 (e)	1.350.000.000
- Dự phòng phải thu khó đòi	(65.424.495)	-
<b>Cộng</b>	<b>36.001.665.316</b>	<b>32.481.261.226</b>

(c) Phải thu khách hàng gồm :

- Cty CP Thủy Hải Sản An Phú	10.176.702.598	-
- Cty TNHH Mai Dương	3.014.067.619	5.243.759.396
- Cty TNHH Nhật Đức	2.813.261.399	-

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP LẠNH HÙNG TRÍ  
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm 2008

(Thể hiện bằng Đồng Việt Nam, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

	Cuối năm	Đầu năm
- Cty TNHH Phương Nam	1.942.513.924	-
- Khandkar Traders	1.716.178.076	-
- Cty TNHH Kho Vận Chuyên Nghiệp ETC	1.711.284.503	-
- XN KD Chế Biến Thủy Sản XK Ngọc Sinh	954.393.304	-
- Cty Đồ Hộp Việt Cường	735.325.295	127.623.946
- Cty TNHH TM và CB Thực Phẩm Phú An Sinh	570.380.166	-
- Cty TNHH Thủy Sản Phú Thọ	528.601.138	728.601.138
- Cty TNHH XNK Thủy sản An Phát	335.518.941	1.892.987.932
- Cty TNHH Nam Phương Việt Nam	301.673.115	182.978.926
- Cty CP Quốc Tế Bảo Thạch	120.931.713	-
- Cty TNHH Kỹ Thuật lạnh Recom	109.696.640	321.390.180
- Cty TNHH SX-TM-DV Phạm Sang	100.538.645	112.624.395
- Cty TNHH TM DV CĐL Tonaco	94.962.000	44.084.250
- Cty TM & XL Cơ Điện Lạnh Hải Đăng	66.336.526	82.780.243
- Cty Cổ Phần Kho Lạnh Chuyên Nghiệp	60.205.951	407.314.595
- Cty Cổ Phần Thủy Sản Sóc Trăng	53.138.100	52.150.000
- Cty CP Cơ Điện Lạnh Công Nghiệp Vi An	42.472.210	83.685.640
- Cty Cổ Phần Hải Việt	-	1.193.306.226
- CN Cty Cổ Phần XNK Tổng Hợp Hà Nội Tại Cần T	-	438.866.400
- Cty LD Sản Xuất Bữa Ăn Trên Máy Bay	-	368.822.768
- Cty TNHH SXTM XNK Lửa Việt	-	165.394.472
- Cty TNHH Hưng Phát	-	145.996.484
- Cty Công Nghệ Đông Hải	-	141.276.160
- Cty LD Virbac Việt Nam	-	126.577.434
- Cty CP Việt Nam Kỹ Nghệ Bột Mì	-	122.244.001
- Cty CP Việt Thái Quốc Tế	-	98.587.125
- Cty CP Cơ Điện Lạnh Tân Long	-	14.841.000
- Khách hàng khác	3.430.383.758	1.670.156.033
<b>Cộng</b>	<b>28.878.565.621</b>	<b>13.766.048.744</b>
(d) <i>Trả trước cho người bán gồm:</i>		
- Cty TNHH Hoàng Tâm	-	14.348.325.000
- Cty TNHH Hoàng Vĩnh An	400.000.000	-
- Ritehite Corporation	336.618.303	-
- Kueba Kaltetechnik GMBH	387.827.531	763.329.678
- Coldkit	220.822.664	-
- Dong Hwa Win Co.,Ltd	483.827.130	-
- Cty TNHH Kim Khí ThyssenKrupp Việt Nam	189.000.000	-

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP LẠNH HÙNG TRÍ  
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm 2008

(Thể hiện bằng Đồng Việt Nam, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

	Cuối năm	Đầu năm
- Cty TNHH Thực Phẩm và CN Vĩnh Thanh	128.700.000	-
- Bitwise Heat Exchanger Co., Ltd	-	1.262.193.560
- Cty TNHH Một thành viên Trần Hữu Đức	-	400.600.208
- Pointer Refrigeration Engineer	-	301.791.243
- Cty TNHH TM & DV Tân Nguyễn Giang	-	100.000.000
- Cty TNHH Tấm Cách Nhiệt	-	70.987.697
- P&M Refrigeration Industrial	-	48.428.720
- Khách hàng khác	193.432.013	69.556.376
<b>Cộng</b>	<b>2.340.227.641</b>	<b>17.365.212.482</b>
<i>(e) Phải thu khác:</i>		
- Công ty TNHH Hoàng Gia Long An	2.475.000.000	1.350.000.000
- Phạm Thị Lê Hoàng	670.402.579	
- Đặng Anh Tâm	558.668.816	
- Nguyễn Bá Trí	558.668.816	
- Bùi Quốc Hưng	446.935.053	
- Thuế nhập khẩu hàng tạm nhập tái xuất	73.196.791	-
<b>Cộng</b>	<b>4.782.872.054</b>	<b>1.350.000.000</b>
<b>3. Tài sản ngắn hạn khác</b>		
- Tạm ứng	947.375.000 (f)	737.075.000
- Chi phí trả trước ngắn hạn	37.470.000	122.640.000
- Ký cược, ký quỹ ngắn hạn	724.118.173 (g)	1.123.905.250
<b>Cộng</b>	<b>1.708.963.173</b>	<b>1.983.620.250</b>
<i>(f) Đây là khoản trợ cấp thôi việc cho Công nhân viên khi Công ty chuyển đổi hình thức sở hữu từ Công ty TNHH sang Công ty cổ phần</i>		
<i>(g) Gồm các khoản:</i>		
- Ký quỹ bảo lãnh dự thầu, bảo hành công trình, bảo lãnh thực hiện hợp đồng tại ngân hàng	121.800.000	956.439.628
- Ký quỹ bảo lãnh dự thầu, bảo lãnh bảo hành tại Ngân hàng ĐT & PT Việt Nam	279.695.092	161.350.000
- Ký quỹ thuê kho tại Công ty Kinh Doanh Dịch Vụ Tổng Hợp	255.623.081	-
- Ký quỹ, ký cược khác	67.000.000	6.115.622
<b>Cộng</b>	<b>724.118.173</b>	<b>1.123.905.250</b>
<b>4. Hàng tồn kho</b>		
- Nguyên liệu, vật liệu	32.465.722.547	31.632.171.343
- Công cụ, dụng cụ	82.308.517	-
- Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	20.929.501.891 (h)	21.518.266.280
<b>Cộng</b>	<b>53.477.532.955</b>	<b>53.150.437.623</b>

*Không thể tham gia quan sát kiểm kê hàng tồn kho tại ngày 31/12/2008 của Công ty TNHH Hoàng Tâm với số tiền 15.181.830.636 đồng.*

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP LẠNH HÙNG TRÍ  
**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Năm 2008

(Thể hiện bằng Đồng Việt Nam, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

	Cuối năm	Đầu năm
(h) Danh sách công trình dở dang:		
- Kho lạnh - Phú Mỹ	10.629.120.080	-
- HT Điều Hoà KK - Việt An	2.566.595.772	-
- Cối đá - Thuận Khoa	913.906.273	-
- TB làm đá ống - Minh Phú	852.221.807	-
- Kho lạnh - Prolog ETC	835.899.001	-
- HT Sàn nâng hạ - CN Vinata	748.438.655	-
- Kho lạnh - Đại Hiệp	606.349.834	-
- Chiller 70HP - Kinh Đô Bình Dương	427.681.818	-
- Kho lạnh - Rau Quả Sài Gòn	359.199.469	-
- Kho trữ Rượu - Shinryo VN	332.208.136	-
- Chiller 40HP+25HP - Việt Can	313.247.557	-
- Dời kho kem - Kido	270.283.084	-
- HT Đá vẩy - Hải An	206.045.190	-
- Chiller 30HP - Kinh Đô Bình Dương	183.737.603	-
- Kho lạnh - Lửa Việt	157.606.877	146.560.877
- Kho lạnh 5000T - An Phú	-	6.483.048.528
- Panel - An Phú	-	2.779.928.363
- Cối đá và cụm máy Phương Nam	-	2.713.135.021
- Kho lạnh - Phương Nam (Miền Tây III)	-	2.609.661.179
- Kho lạnh - Nhan Lý	-	1.859.814.844
- HT Cấp đông và kho lạnh - An Phú	-	1.250.735.587
- Kho lạnh - Thế Hệ Mới	-	840.869.683
- Kho lạnh - Tam Bình	-	638.353.527
- Cụm máy 100HP - HCCB Miền Nam	-	542.203.009
- Panel cách nhiệt - Vi An	-	506.068.812
- Kho lạnh - Tân Ưc Việt	-	405.143.060
- Kho lạnh - Au Lạc	-	396.473.040
- Kho lạnh - Bảo Thanh	-	157.733.612
- Kho lạnh - Hà Ti	-	91.757.138
- Công trình khác	1.526.960.735	96.780.000
<b>Cộng</b>	<b>20.929.501.891</b>	<b>21.518.266.280</b>

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP LẠNH HÙNG TRÍ  
**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Năm 2008

(Thể hiện bằng Đồng Việt Nam, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

5. Tăng giảm tài sản cố định

5.1 Tăng giảm tài sản cố định hữu hình

Chỉ tiêu	Số đầu năm	Tăng	Giảm	Số cuối kỳ
<b>I. Nguyên giá TSCĐ hữu hình</b>				
- Nhà cửa, vật kiến trúc	17.013.215.000	-	-	17.013.215.000
- PTVT, Truyền Dẫn	1.680.003.668	834.647.870	-	2.514.651.538
- Máy móc, thiết bị (*)	-	950.361.128	-	950.361.128
- TB Dụng cụ quản lý	728.494.042	238.379.879	49.523.810	917.350.111
<b>Cộng</b>	<b>19.421.712.710</b>	<b>2.023.388.877</b>	<b>49.523.810</b>	<b>21.395.577.777</b>
<b>II. Giá trị hao mòn lũy kế</b>				
- Nhà cửa, vật kiến trúc	-	567.107.160	-	567.107.160
- PTVT, Truyền Dẫn	744.234.030	193.454.445	-	937.688.475
- Máy móc, thiết bị (*)	-	214.380.543	-	214.380.543
- TB Dụng cụ quản lý	503.253.568	124.059.737	10.317.460	616.995.845
<b>Cộng</b>	<b>1.247.487.598</b>	<b>1.099.001.885</b>	<b>10.317.460</b>	<b>2.336.172.023</b>
<b>III. Giá trị còn lại của TSCĐ hữu hình</b>				
- Nhà cửa, vật kiến trúc	17.013.215.000	-	-	16.446.107.840
- PTVT, Truyền Dẫn	935.769.638	-	-	1.576.963.063
- Máy móc, thiết bị (*)	-	-	-	735.980.585
- TB Dụng cụ quản lý	225.240.474	-	-	300.354.266
<b>Cộng</b>	<b>18.174.225.112</b>	-	-	<b>19.059.405.754</b>

(\*) Máy móc thiết bị tăng trong năm là TSCĐ hữu hình của công ty TNHH Hoàng Tâm.

- Giá trị TSCĐ hữu hình đã dùng để thế chấp, đảm bảo khoản vay dài hạn theo Hợp đồng tín dụng số 620.0000247 ngày 26/12/2007 NH Thương mại Cổ phần Sài Gòn Thương Tín số tiền là 17.013.215.000 đồng.
- Nguyên giá TSCĐ hữu hình cuối năm đã khấu hao hết là 587.545.890 đồng.

5.2 Tăng giảm tài sản cố định vô hình

Chỉ tiêu	Số đầu năm	Tăng	Giảm	Số cuối kỳ
<b>I. Nguyên giá TSCĐ vô hình</b>				
- Bản quyền phần mềm	149.617.182	-	-	149.617.182
<b>Cộng</b>	<b>149.617.182</b>	-	-	<b>149.617.182</b>
<b>II. Giá trị hao mòn lũy kế</b>				
- Bản quyền phần mềm	26.761.425	24.936.180	-	51.697.605
<b>Cộng</b>	<b>26.761.425</b>	<b>24.936.180</b>	-	<b>51.697.605</b>
<b>III. Giá trị còn lại của TSCĐ vô hình</b>				
- Bản quyền phần mềm	122.855.757	-	-	97.919.577
<b>Cộng</b>	<b>122.855.757</b>	-	-	<b>97.919.577</b>

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP LẠNH HÙNG TRÍ  
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm 2008

(Thể hiện bằng Đồng Việt Nam, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

6. Đầu tư dài hạn khác	Cuối năm	Đầu năm
- Đầu tư vào công ty con	3.420.000.000 (i)	-
- Góp vốn liên doanh	4.500.000.000 (j)	2.885.000.000
- Đầu tư cổ phiếu	120.000.000 (k)	120.000.000
<b>Cộng</b>	<b>8.040.000.000</b>	<b>3.005.000.000</b>
(i) Bao gồm:		
Công ty TNHH Kho vận chuyên nghiệp ETC	3.420.000.000 (**)	1.200.000.000
<b>Cộng</b>	<b>3.420.000.000</b>	<b>1.200.000.000</b>
(**) Ngày 27/12/2008, Công ty góp vốn thêm vào Công ty TNHH Kho Vận Chuyên Nghiệp ETC, tỷ lệ góp vốn từ 30% tăng lên 57% vốn đầu tư chủ sở hữu.		
(j) Tên công ty góp vốn		
- Công ty TNHH Phương Nam	-	1.160.000.000
- Công ty CP Kho lạnh Phú Mỹ	1.800.000.000	525.000.000
Công ty TNHH Kho vận chuyên nghiệp	2.700.000.000	-
<b>Cộng</b>	<b>4.500.000.000</b>	<b>1.685.000.000</b>
(k) Đầu tư cổ phiếu vào Công ty Cổ phần Hải Việt, chiếm tỷ lệ 0,0375 % trong tổng vốn điều lệ.		
7. Vay ngắn hạn		
- Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Sài Gòn	5.288.376.924	4.839.404.971
- Vay cá nhân	7.803.877.136 (l)	-
<b>Cộng</b>	<b>13.092.254.060</b>	<b>4.839.404.971</b>
(l) Bao gồm:		
Nguyễn Bá Trí	2.161.000.000	
Nguyễn Thị Đoan Trinh	798.400.000	
Đặng Anh Tâm	550.000.000	
Ngô Văn Anh	500.000.000	
Nguyễn Thị Soa	450.329.536	
Nguyễn Văn Dũng	425.000.000	
Nguyễn Thị Bắc	404.052.600	
Lê Thị Thu Ba	362.000.000	
Đình Thế Minh	320.000.000	
Phan Thanh Huân	289.456.000	
Lê Quang Trọng	270.000.000	
Trần Thị Hạnh	225.000.000	
Lê Nhật Thùy	154.880.000	
Nguyễn Ngọc Thanh	154.000.000	
Hứa Ngọc Phương	140.000.000	
Phan Quang Vinh	140.000.000	
Tăng Thị Hồng Phương	130.000.000	
Nguyễn Đình Trung Quốc	129.759.000	
Trần Chí Dũng	120.000.000	
Nguyễn Văn Thành	80.000.000	
<b>Cộng</b>	<b>7.803.877.136</b>	

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP LẠNH HÙNG TRÍ  
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm 2008

(Thể hiện bằng Đồng Việt Nam, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

8. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước:	Cuối năm	Đầu năm
- Thuế GTGT phải nộp	1.236.468.114	-
- Thuế tiêu thụ đặc biệt	-	-
- Thuế nhập khẩu	19.605.836	184.714.332
- Thuế thu nhập doanh nghiệp	801.778.871	2.650.950.513
<b>Cộng</b>	<b>2.057.852.821</b>	<b>2.835.664.845</b>
9. Phải trả ngắn hạn		
- Phải trả cho người bán	5.162.192.332 (m)	12.198.090.312
- Người mua trả tiền trước	22.615.632.556 (n)	42.557.941.169
- Phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	26.200.000.000 (o)	-
- Dự phòng phải trả ngắn hạn (Chi phí bảo hành công trình)	546.367.928	-
<b>Cộng</b>	<b>54.524.192.816</b>	<b>54.756.031.481</b>
(m) Phải trả cho người bán gồm:		
- Công ty Tecumseh	1.198.326.076	3.265.703.280
- Công ty TNHH Một Thành Viên Trần Hữu Đức	1.199.597.833	-
- Công ty Dixell	469.401.588	177.178.248
- Công ty TNHH Kỹ Thuật Lạnh Recom	397.290.500	-
- Công ty TNHH Tấm Cách Nhiệt	379.310.050	-
- Công ty CP Kỹ Nghệ Lạnh Searefico	342.793.836	177.433.953
- Công ty TNHH SX TM Tân Gia Nguyên	314.744.054	73.229.554
- Công ty TNHH TM DV VT Thịnh Thành Đạt	149.360.000	-
- Công ty TNHH Huỳnh Thiệt	110.415.782	-
- Công ty TNHH CN Liangchi II(VN)	51.732.366	133.884.209
- Công ty TNHH Công Nghiệp Điện D.C.N	51.568.000	122.887.160
- Công ty Thermokey	-	4.244.631.564
- Công ty Technoblock	-	2.941.550.359
- Công ty TNHH Cách Nhiệt Sài Gòn	-	772.289.798
- Công ty LionCity	-	155.891.342
- Công ty Bitzer	-	7.502.258
- Schneider Electric Overseas Asia Pte Ltd	99.912.261	-
- Fast Link International Trading Co.,Ltd	56.318.430	-
- Công ty TNHH Vĩnh Đông	35.584.500	-
- Công ty TNHH Minh Lập	16.060.000	-
- Công ty TNHH KT Điện TD Hóa A&E	15.518.328	-
- Công ty TNHH May-In lựa- TM Quang Phước	12.034.000	-
- Khách hàng khác	262.224.728	125.908.587
<b>Cộng</b>	<b>5.162.192.332</b>	<b>12.198.090.312</b>
(n) Người mua trả tiền trước gồm:		
- Công ty CP Kho lạnh Phú Mỹ	9.473.487.934	-
- Công ty TNHH MTV P-T	2.326.547.475	-
- Công ty TNHH Hương Giang	1.070.370.000	-



CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP LẠNH HÙNG TRÍ  
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm 2008

(Thể hiện bằng Đồng Việt Nam, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

	<u>Cuối năm</u>	<u>Đầu năm</u>
- Công ty CP Thủy Sản Vinh Quang	990.493.800	-
- Công ty CP SX và DV XNK Rau Quả Sài Gòn	854.964.337	-
- Công ty Cổ Phần Việt An	805.485.558	-
- DNTN Thuận Khoa	800.000.000	-
- Công ty TNHH Cà Phê Outspan	794.446.800	-
- CN Cty TNHH Quốc Tế LD VINACONEX TAISEI	788.440.208	-
- Công ty TNHH Hải An	599.729.400	-
- Công ty TNHH Đại Hiệp	508.619.080	-
- Công ty Cổ Phần Kinh Đô Bình Dương	418.865.916	-
- Công ty Cổ Phần KiDo	342.065.900	-
- Công ty TNHH TM & KT Việt Phong	336.102.400	-
- Công ty CP Thủy sản Minh Phú	298.452.000	139.711.426
- Công ty TNHH SX và TM Việt Trần	254.721.810	254.721.810
- Công ty Công Nghệ và Kỹ Thuật Gynic	183.657.132	183.657.132
- Công ty TNHH SX TM Nhan Lý	-	3.000.000.000
- Công ty Cổ Phần Thủy Sản An Phú	-	31.208.748.972
- Công ty TNHH Phương Nam	-	3.723.761.376
- Công ty TNHH DV Tam Bình Thủ Đức	-	811.629.000
- Công ty TNHH Phú An Sinh	-	612.028.000
- Công ty TNHH Thế Hệ Mới	-	518.931.966
- Khách hàng khác	1.769.182.806	2.104.751.487
<b>Cộng</b>	<b><u>22.615.632.556</u></b>	<b><u>42.557.941.169</u></b>

(o) Đây là khoản tiền mượn của Ông Nguyễn Bá Trí số tiền 15.250.000.000 đồng, Ông Đặng Anh Tâm số tiền 950.000.000 đồng, Ông Bùi Quốc Hưng số tiền 10.000.000.000 đồng.

10	Vay và nợ dài hạn	<u>Cuối năm</u>	<u>Đầu năm</u>
-	Ngân hàng Thương mại Cổ phần Thương Tín - CN Quận 10	10.732.000.000	7.791.300.000
	<b>Cộng</b>	<b><u>10.732.000.000</u></b>	<b><u>7.791.300.000</u></b>

11. Vốn chủ sở hữu

11.1 Bảng đối chiếu biến động vốn chủ sở hữu

Chỉ tiêu		Vốn chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	LN sau thuế Chưa PP	Cộng
1.	Số dư cuối năm trước	28.000.000.000	6.556.240.000	7.832.233.098	42.388.473.098
	Số dư đầu năm nay				
-	Tăng vốn trong kỳ	1.000.000.000	-		1.000.000.000
-	Lãi trong năm nay		-	13.240.066.581	13.240.066.581
-	Giảm		-	(9.093.683.266)	(9.093.683.266)
2.	Số dư Cuối năm	29.000.000.000	6.556.240.000	11.978.616.413	47.534.856.413

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP LẠNH HUNG TRÍ  
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm 2008

(Thể hiện bằng Đồng Việt Nam, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

11.2 Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

Cổ đông góp vốn	Vốn góp	Tỷ lệ (%)
- Nguyễn Bá Trí	9.600.000.000	33%
- Đặng Anh Tâm	5.000.000.000	17%
- Bùi Quốc Hưng	4.000.000.000	14%
- 62 cổ đông khác	10.400.000.000	36%
<b>Cộng</b>	<b>29.000.000.000</b>	<b>100%</b>

11.3 Cổ phiếu

	Cuối năm	Đầu năm
- Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	3.000.000	3.000.000
- Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	2.900.000	2.800.000
+ Cổ phiếu phổ thông	2.900.000	2.800.000
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	2.900.000	2.800.000
+ Cổ phiếu phổ thông	2.900.000	2.800.000

\* Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 Đồng/Cp

11.4 Các quỹ của doanh nghiệp:

- Quỹ đầu tư phát triển	913.730.874	130.507.564
- Quỹ dự phòng tài chính	456.865.438	65.253.783
- Quỹ khen thưởng phúc lợi	1.555.677.482	65.253.783
- Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	456.865.438	65.253.783
<b>Cộng</b>	<b>3.383.139.232</b>	<b>326.268.913</b>

11.5 Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối

- Lợi nhuận sau thuế năm trước	<b>7.832.233.098</b>
Trích lập quỹ dự phòng tài chính	(391.611.655)
Trích lập quỹ đầu tư phát triển	(783.223.310)
Trích lập quỹ khen thưởng phúc lợi	(391.611.655)
Trích lập quỹ khác của chủ sở hữu	(391.611.655)
Chia cổ tức cho các cổ đông	(2.320.000.000)
Chi thù lao, khen thưởng HĐQT, BKS, BGD	(376.000.000)
- Lợi nhuận sau thuế năm trước chuyển sang năm nay	<b>3.178.174.823</b>
- Lợi nhuận sau thuế năm nay	<b>13.240.066.581</b>
Chi cổ tức năm 2008	(3.080.000.000)
Trích lập quỹ khen thưởng phúc lợi	(715.592.100)
Lợi ích cổ đông thiểu số	(644.032.891)
- Lợi nhuận sau thuế năm nay chuyển sang năm sau	<b>8.800.441.590</b>
- Lợi nhuận chưa phân phối lũy kế chuyển sang năm sau	<b>11.978.616.413</b>

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP LẠNH HƯNG TRÍ  
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm 2008

(Thể hiện bằng Đồng Việt Nam, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

12. Lợi ích của cổ đông thiểu số:

Lợi ích của cổ đông thiểu số được tính cho các cổ đông còn lại góp vốn trong Công ty TNHH

Hoàng Tâm (Hoàng Tâm) theo tỷ lệ góp vốn trên giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh. Trong đó:

- Tỷ lệ vốn góp của Công ty CP Công Nghiệp lạnh Hưng Trí 90%
- Tỷ lệ vốn góp của các thành viên còn lại (gọi là cổ đông thiểu số) 10%

Lợi ích của bên thiểu số được xác định như sau:

- Vốn chủ sở hữu của Công ty TNHH Hoàng Tâm	3.000.000.000
- Quỹ đầu tư phát triển của Công ty TNHH Hoàng Tâm	300.000.000
- Tỷ lệ vốn góp của cổ đông thiểu số	10%
- Vốn chủ sở hữu của cổ đông thiểu số tại Công Ty Hoàng Tâm	330.000.000
- Lợi ích của cổ đông thiểu số năm 2008 (7.155.921.009 x 10%)	715.592.101
- Trả cổ tức cho cổ đông thiểu số	(248.297.252)
- Trích lập quỹ khen thưởng phúc lợi từ lợi nhuận năm 2008 (7.155.921.009 x 10% x 10%)	(71.559.209)
<b>Tổng lợi ích của cổ đông thiểu số tại Công ty Hoàng Tâm</b>	<b>725.735.640</b>

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO  
KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
<b>1. Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>		
- Doanh thu bán hàng hóa	41.030.843.666	38.741.730.637
- Doanh thu bán các thành phẩm	142.124.683.837	72.549.638.447
- Doanh thu cung cấp dịch vụ	509.003.973	411.112.362
<b>Cộng</b>	<b>183.664.531.476</b>	<b>111.702.481.446</b>
<b>2. Giá vốn hàng bán</b>		
- Giá vốn của thành phẩm đã bán	125.763.640.957	65.587.753.595
- Giá vốn của hàng hóa	23.173.349.662	26.719.468.751
<b>Cộng</b>	<b>148.936.990.619</b>	<b>92.307.222.346</b>
<b>3. Doanh thu hoạt động tài chính</b>		
- Lãi tiền gửi Ngân hàng	125.179.819	86.157.470
- Cổ tức, lợi nhuận được chia	84.503.322	-
- Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	30.874.696	-
<b>Cộng</b>	<b>240.557.837</b>	<b>86.157.470</b>
<b>4. Chi phí tài chính</b>		
- Lãi tiền vay	2.386.062.440	124.743.901
- Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	62.231.643	-
- Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	455.187.910	-
- Chi phí tài chính khác	-	83.143.795
<b>Cộng</b>	<b>2.903.481.993</b>	<b>207.887.696</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP LẠNH HÙNG TRÍ**  
**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

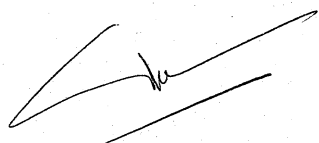
Năm 2008

(Thể hiện bằng Đồng Việt Nam, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

	Năm nay	Năm trước
<b>5. Chi phí bán hàng</b>		
- Chi phí bao bì	3.350.000	-
- Chi phí bảo hành	561.543.528	-
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	606.865.609	230.872.260
<b>Cộng</b>	<b>1.171.759.137</b>	<b>230.872.260</b>
<b>6. Chi phí quản lý doanh nghiệp</b>		
- Chi phí nhân viên quản lý	6.881.271.247	3.506.780.000
- Dự phòng nợ phải thu khó đòi	65.424.495	-
- Chi phí đồ dùng văn phòng	136.443.697	242.431.031
- Chi phí khấu hao tài sản cố định	909.557.522	308.327.630
- Thuế, phí và lệ phí	305.510.295	8.204.000
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.908.902.575	1.272.906.694
- Chi phí bằng tiền khác	5.177.598.591	2.484.386.601
<b>Cộng</b>	<b>15.384.708.422</b>	<b>7.823.035.956</b>
<b>7. Thu nhập khác</b>		
- Bất lợi thương mại do Hợp nhất kinh doanh	270.000.000	-
- Khác	45.455.882	6.265.587
<b>Cộng</b>	<b>315.455.882</b>	<b>6.265.587</b>

TP. Hồ Chí Minh, ngày 30 tháng 03 năm 2009

Người lập biểu



**BÙI THỊ THANH THẢO**

Kế toán trưởng



**PHAN QUANG VINH**



**ĐẶNG ANH TÂM**